

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 24 – 12 – 2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Ngô Diễm Phúc

Ông Đặng Hữu Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 511/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Văn Đ, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp CN, xã ThT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị H (Ngô Út H), sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp CN, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án anh Đoàn Văn Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Đoàn Văn Đ chung sống với chị Ngô Thị H vào năm 1992, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi dẫn đến đánh nhau. Mặc dù gia đình hai bên và chính quyền địa phương hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được, hiện tại kinh tế và cuộc sống hàng ngày mỗi người đều làm riêng không ai còn quan tâm ai. Nay anh Đ xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn gắn bó yêu thương nhau, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có một con chung tên Đoàn Nhã L, sinh ngày 1992. Hiện tại con chung đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quá trình giải quyết vụ án chị Ngô Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời gian vợ chồng chung sống, không đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện như anh Đ trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị H xác định có xảy ra mâu thuẫn nhưng đều do mỗi người đều có tính nóng giận nên có lời nói cử chỉ không đúng với nhau. Tuy nhiên, vợ chồng đã chung sống hơn 30 năm đương nhiên phải có mâu thuẫn, những mâu thuẫn đó có thể hàn gắn tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng vẫn còn gắn bó yêu thương nên chị không đồng ý ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị H đồng ý với anh Đ con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị H thống nhất tự thỏa thuận với anh Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Đoàn Văn Đen có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Ngô Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Đ và chị H chung sống với nhau vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, đánh nhau là thực tế có xảy ra được anh chị thừa nhận anh Đ yêu cầu được ly hôn, chị H không đồng ý.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...*”. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn và việc anh chị có đồng ý ly hôn với nhau hay không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Có một con chung tên Đoàn Nhã L, sinh năm 1992, hiện tại đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về các vấn đề khác: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đoàn Văn Đ và chị Ngô Thị H.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đoàn Văn Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011213 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh Đ đã nộp xong).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Trúc**

